

Số: /QĐ-UBND

Thành Đông, ngày 05 tháng 02 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2026  
của Văn phòng HĐND&UBND phường Thành Đông

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THÀNH ĐÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.12/2026/NQ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, đặc khu trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện Kết luận số 228-KL/TW ngày 31/12/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Thành Đông về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND phường Thành Đông về việc giao dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2026.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Thành Đông tại Tờ trình số 21/TTr-KTHTĐT ngày 05/02/2026;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2026 của Văn phòng HĐND&UBND phường Thành Đông (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Giao cho Kế toán ngân sách phường căn cứ Quyết định này để điều chỉnh, hạch toán dự toán chi ngân sách năm 2026 đúng quy định.

**Điều 3.** Các ông (bà): Kế toán ngân sách, Thủ quỹ, Trưởng các ban ngành, đoàn thể và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, HĐND (b/c);
- Như điều 2,3;
- Lưu: VP./.

**CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Ngọc

**TÊN ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG HĐND & UBND**  
**CHƯƠNG: 830**

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**  
**ĐƠN VỊ : VĂN PHÒNG HĐND & UBND**  
**MÃ SỐ ĐƠN VỊ: 1144306**

**MÃ KBNN NƠI GIAO DỊCH: 0077 - KBNN KHU VỰC III- PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 5**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 05/02/2026) của UBND phường Thành Đông)*

*Đơn vị: Đồng*

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>(2.848.434)</b>
<b>A</b>	<b>Chi Đầu tư</b>	
<b>B</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>(2.848.434)</b>
<b>1</b>	<b>Chi quốc phòng (Mã loại 010 khoản 011)</b>	<b>(2.848.434)</b>
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (mã nguồn 13)	(2.848.434)
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (mã nguồn 12)	-

**TÊN ĐƠN VỊ: BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ**  
**CHƯƠNG: 810**

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

**ĐƠN VỊ : BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ**

**MÃ SỐ ĐƠN VỊ: 1053630**

**MÃ KBNN NƠI GIAO DỊCH: 0077 - KBNN KHU VỰC III- PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 5**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 05/02/2026) của UBND phường Thành Đông)*

*Đơn vị: nghìn đồng*

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.848.434</b>
<b>A</b>	<b>Chi Đầu tư</b>	
<b>B</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>2.848.434</b>
<b>1</b>	<b>Chi quốc phòng (Mã loại 010 khoản 011)</b>	<b>2.848.434</b>
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (mã nguồn 13)	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (mã nguồn 12)	2.848.434
	Chi chính sách dân quân tự vệ, công tác trực sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện dân quân, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ... Cụ thể:	
	+ Phụ cấp tiêu đội trưởng	109.512
	+ Phụ cấp Trung đội trưởng	22.464
	+ Phụ cấp Chính trị viên	6.739
	+ Phụ cấp Chính trị viên phó	6.178
	+ Phụ cấp chức vụ Tổ đội trưởng theo NĐ16	131.414
	+ Phụ cấp Tổ đội trưởng theo NQ HĐND	547.560
	Chi đảm bảo diễn tập, huy động DQTV khắc phục hậu quả thiên tai, TKCN và các nhiệm vụ của địa phương giao	60.000
	Chi đảm bảo công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ	500.000
	Chi đảm bảo trực sẵn sàng chiến đấu (các ngày lễ, Tết) <b>Trong đó:</b>	
	Trợ cấp ngày công (15 người x 12 ngày x 327,6k/ngày)	58.968
	Tiền ăn chiến sỹ (15 người x 12 ngày x 72k/ngày)	12.960
	Tiền ăn cho CHT, CHP (2ng x 12 ngày x 72k/ngày)	1.728
	Tiền ăn ngày lễ (17ng x 12 ngày x 72k/ngày)	14.688
	Chi đảm bảo huấn luyện dân tại chỗ (300ng x 7 ngày x 327,6nd/ngày+300ng*7 ngày *72k/ngày)	839.160
	Chi đảm bảo huấn luyện dân cơ động (112 ng x 12 ngày x 327,6nd/ngày+ 112ng x12 ngày x 72nd/ngày)	537.062

